

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;*

*Căn cứ Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 24/3/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: “Cải tạo, mở rộng Bệnh viện Da liễu Thanh Hóa với quy mô 100 giường bệnh”;*

*Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường tại Công văn số 32/BV-DL ngày 07/07/2025 của Bệnh viện Da liễu Thanh Hóa và các hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1119/TTr-SNNMT ngày 29/8/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Bệnh viện Da liễu Thanh Hóa (địa chỉ: Số 195 đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện Da liễu Thanh Hóa tại 195 đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Da liễu Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 195 đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 259/TH-GPHĐ ngày 02/10/2018 do Giám đốc Sở Y tế Thanh Hóa cấp.

1.4. Loại hình sản xuất kinh doanh: Khám chữa bệnh.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích đất của cơ sở: 6.530,0 m<sup>2</sup>.

- Nhóm cơ sở: Cơ sở có quy mô tương đương với dự án nhóm C phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, có tổng mức đầu tư 56,346 tỷ đồng.

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất hoạt động: 100 giường bệnh (theo Quyết định số 3855/QĐ-UBND ngày 29/6/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa), số giường bệnh tính toán lưu lượng xả nước thải tối đa 158 giường bệnh.

- Quy trình hoạt động của cơ sở: Bệnh nhân đến khám, chữa bệnh → Hướng dẫn làm thủ tục → Khoa khám bệnh → Bệnh nhân nhập viện (điều trị tại các khoa phòng); bệnh nhân không nhập viện → Làm thủ tục xuất viện.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải sau xử lý ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

## **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Đa liễu Thanh Hóa:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Đa liễu Thanh Hóa có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường sau khi được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp

giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm**

(từ ngày 15 tháng 9 năm 2025 đến ngày 15 tháng 9 năm 2035).

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND phường Đông Quang và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Đông Quang;
- Bệnh viện Da liễu Thanh Hóa;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Thi**

**PHỤ LỤC 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ Khu nhà khám và xét nghiệm 2 tầng và phần phía Bắc Khu nhà khám điều trị 7 tầng (Ký hiệu số 01 và 02 trên bản vẽ tổng mặt bằng 1/500) *(bao gồm: Nước thải đại, tiểu tiện qua bể tự hoại; nước thải từ tắm giặt, rửa tay, chân và dụng cụ y tế không đi qua bể tự hoại).*

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ phần phía Nam Khu nhà khám điều trị 7 tầng và Khoa dinh dưỡng (Ký hiệu số 02 và 03 trên bản vẽ tổng mặt bằng 1/500) *(bao gồm: Nước thải đại tiểu tiện qua bể tự hoại; nước thải từ tắm giặt, rửa tay, chân và dụng cụ y tế không đi qua bể tự hoại).*

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ Khoa chống nhiễm khuẩn (Ký hiệu số 04 trên bản vẽ tổng mặt bằng 1/500) *(bao gồm: Nước thải đại, tiểu tiện qua bể tự hoại; nước thải từ rửa tay, chân và dụng cụ y tế không đi qua bể tự hoại).*

- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình tắm thuốc và giặt quần áo bệnh nhân phát sinh từ Khoa chống nhiễm khuẩn (Ký hiệu số 04 trên bản vẽ tổng mặt bằng 1/500).

**2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

Bệnh viện có 01 dòng nước thải sau xử lý xả thải ra môi trường.

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Mương thoát nước chung dọc đường Hải Thượng Lãn Ông phía trước Bệnh viện sau đó ra Kênh Nhà Lê.

**2.2. Vị trí xả nước thải:**

- Tại Mương thoát nước chung dọc theo đường Hải Thượng Lãn Ông phía trước Bệnh viện với tọa độ *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°):* X= 2187267.94 (m) ; Y = 580318.83 (m).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

**2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 43 m<sup>3</sup>/ngày đêm (làm tròn).**

**2.4. Phương thức xả nước thải:**

- Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý đạt QCVN cho phép được bơm cưỡng bức qua đường ống PVC ra nguồn tiếp nhận.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.6. Chất lượng nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

- Kể từ ngày giấy phép có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2031, dòng nước thải xả ra môi trường phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, K = 1,2), cụ thể như sau:

| TT | Các chỉ tiêu                              | Đơn vị         | QCVN 28: 2010/BTNMT<br>(cột B, với hệ số k = 1,2) |
|----|-------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------|
| 1  | pH                                        | -              | 6,5 – 8,5                                         |
| 2  | BOD <sub>5</sub> (20°C)                   | mg/l           | 60                                                |
| 3  | COD                                       | mg/l           | 120                                               |
| 4  | Chất rắn lơ lửng (TSS)                    | mg/l           | 120                                               |
| 5  | Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)       | mg/l           | 4,8                                               |
| 6  | Hàm lượng N/NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>  | mg/l           | 12                                                |
| 7  | Hàm lượng P/PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> | mg/l           | 12                                                |
| 8  | Hàm lượng N/NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>  | mg/l           | 50                                                |
| 9  | Dầu mỡ động thực vật                      | mg/l           | 24                                                |
| 10 | Tổng colifoms                             | MPN/100ml      | 5.000                                             |
| 11 | Salmonella                                | Vi khuẩn/100ml | KPH                                               |
| 12 | Shigella                                  | Vi khuẩn/100ml | KPH                                               |
| 13 | Vibrio cholerae                           | Vi khuẩn/100ml | KPH                                               |

- Kể từ ngày 01/01/2032, dòng nước thải xả ra môi trường phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B), cụ thể như sau:

| TT | Các chỉ tiêu                             | Đơn vị | QCVN 40:2025/BTNMT<br>(Cột B) |
|----|------------------------------------------|--------|-------------------------------|
| 1  | pH                                       | -      | 6,0 – 9,0                     |
| 2  | BOD <sub>5</sub> (20°C)                  | mg/l   | ≤ 60                          |
| 3  | COD                                      | mg/l   | ≤ 90                          |
| 4  | Chất rắn lơ lửng (TSS)                   | mg/l   | ≤ 80                          |
| 5  | Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)      | mg/l   | ≤ 0,5                         |
| 6  | Hàm lượng N/NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> | mg/l   | ≤ 10                          |

| TT | Các chỉ tiêu                | Đơn vị    | QCVN 40:2025/BTNMT<br>(Cột B) |
|----|-----------------------------|-----------|-------------------------------|
| 7  | Tổng N                      | mg/l      | $\leq 40$                     |
| 8  | Tổng P                      | mg/l      | $\leq 6$                      |
| 9  | Chất hoạt động bề mặt anion | mg/l      | $\leq 5$                      |
| 10 | Dầu mỡ động thực vật        | mg/l      | $\leq 30$                     |
| 11 | Tổng colifoms               | MPN/100ml | $\leq 5.000$                  |

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn nước thải đưa về hệ thống xử lý.

- *Tuyến số 1:* Nước thải phát sinh từ nguồn số 01 → Đường ống PVC, DN110 → Hồ thu nước thải (HK14) → Đường ống PVN, DN250 → Hồ thu nước thải (HK13) Trạm xử lý nước thải tập trung 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- *Tuyến số 2:* Nước thải phát sinh từ nguồn số 02 → Đường ống PVC, DN110 → Hồ thu nước thải (HK15) → Đường ống PVC, DN250 → HK12 → Đường ống DN250 → Hồ thu nước thải (HK13) → Trạm xử lý nước thải tập trung 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- *Tuyến số 3:* Nước thải phát sinh từ nguồn số 03 → Đường ống PVC, DN 110 → Trạm xử lý nước thải tập trung 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- *Tuyến số 4:* Nước thải từ nguồn số 04 → Đường ống PVC, DN110 → Các Bể xử lý hóa lý → Bơm → Đường ống → Trạm xử lý nước thải tập trung 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

#### 1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ.

- 04 Bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ nước thải từ các nhà vệ sinh của 04 khu nhà với tổng thể tích 132 m<sup>3</sup>.

- 01 Hệ thống các bể xử lý hóa, lý để xử lý sơ bộ nước thải giặt quần áo bệnh nhân và tắm thuốc có công suất xử lý 25 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### 1.2.2. Trạm xử lý nước thải tập trung: Công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ của Trạm xử lý: Ngăn tách rác → Ngăn điều hòa → Lọc tinh → Khoang chứa đệm vi sinh → Khoang chứa vật liệu lọc vi sinh → Ngăn lắng thứ cấp → Ngăn khử trùng.

- Công suất thiết kế: 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Clorine (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo

chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.6 phần A của Phụ lục này).

### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải.

### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương rãnh thu gom nước thải; hố ga; bể tự hoại; của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tần suất nạo vét:

+ Mương rãnh, hố ga: 03 tháng/lần.

+ Hút bùn cặn trong các bể xử lý: Bể tự hoại, bể thu gom; bể chứa bùn (1 lần/năm).

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống thu gom nước thải để phát hiện tình trạng hư hỏng, rò rỉ hoặc tắc nghẽn và kịp thời sửa chữa, thay thế.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện. Cụ thể:

+ Tại hố ga: Hàng ngày kiểm tra các song chắn rác để tránh tình trạng rác bám vào song chắn rác quá nhiều gây tắc nghẽn nước vào hệ thống.

+ Bể khử trùng: Thường xuyên kiểm tra các thiết bị pha chế hóa chất, máy khuấy, hóa chất để đảm bảo các thiết bị khử trùng vẫn hoạt động tốt.

+ Định kỳ kiểm tra đường ống, van khóa như: độ kín, hở của van khóa, khả năng đóng mở của van khóa; hiện tượng rò rỉ đường ống,...

- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị hư hỏng, gặp sự cố mà chưa thể kịp thời khắc phục thì toàn bộ lượng nước thải được lưu giữ trong hệ thống, trong trường hợp hệ thống hết chỗ chứa, Bệnh viện hợp đồng đơn vị có chức năng mang đi xử lý, đồng thời nhanh chóng khắc phục hệ thống. Sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại, bơm quay vòng nước thải để xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế mới thải ra môi trường tiếp nhận.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.6, Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau hệ thống xử lý ra môi trường; lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành trạm xử lý nước thải.

3.5. Bệnh viện Đa liễu Thanh Hóa chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

3.6. Trường hợp gây sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành, Bệnh viện phải dừng ngay hoạt động xả thải và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND Phường Đông Quang để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

**PHỤ LỤC 2**  
**BẢO ĐẢM CÁC GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải tập trung

**2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép |                           | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú              |
|----|----------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------|----------------------|
|    | Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)                                | Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA) |                            |                      |
| 1  | 70                                                       | 60                        | -                          | Khu vực thông thường |

**3.2. Độ rung:**

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép |                          | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú              |
|----|----------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------|
|    | Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)                                 | Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB) |                            |                      |
| 1  | 70                                                       | 55                       | -                          | Khu vực thông thường |

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Bệnh viện quy định giờ vào thăm bệnh nhân (cụ thể: Sáng từ 5h - 7h; trưa từ 11h30 - 13h00, chiều từ 17h đến 21h30).
- Quy định các phương tiện ra vào bệnh viện tắt máy khi vào cổng và cấm bóp còi trong khu vực bệnh viện.
- Có các bảng nội quy yêu cầu y bác sỹ, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và khách đến thăm đi nhẹ, nói khẽ.
- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị để đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tránh gây tiếng ồn.
- Trong khuôn viên của bệnh viện được trồng cây xanh, bồn hoa, cây cảnh không những tăng tính thẩm mỹ cho khu vực bệnh viện, tạo cảm giác dịu êm mà

còn có tác dụng rất lớn trong việc hút bụi, lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt.

- Đối với tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng:

- + Máy phát điện dự phòng được lắp đặt cách xa khu vực khám chữa bệnh của bệnh viện và được đặt trong phòng kín.

- + Để máy phát điện dự phòng được lắp đặt đệm lót bằng cao su để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

- + Định kỳ bảo dưỡng máy phát điện theo quy định.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**PHỤ LỤC 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh tại cơ sở:**

**1.1. Khối lượng, danh mục, mã chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

| <b>TT</b> | <b>Tên chất thải nguy hại</b>                                                            | <b>Mã CTNH</b> | <b>Khối lượng phát sinh (kg/năm)</b> |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Chất thải y tế nguy hại</b>                                                           |                | <b>1.811</b>                         |
| 1         | Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)                                      | 13 01 01       | 1.771                                |
| 2         | Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại                                 | 13 01 02       | 20                                   |
| 3         | Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng | 13 03 02       | 20                                   |
| <b>II</b> | <b>Chất thải nguy hại khác</b>                                                           |                | <b>45</b>                            |
| 1         | Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính khác                           | 16 01 06       | 5                                    |
| 2         | Các loại dầu mỡ thải (dầu thải từ máy phát điện; dầu mỡ bôi trơn thiết bị máy móc...)    | 16 01 08       | 20                                   |
| 3         | Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải                                       | 18 01 01       | 10                                   |
| 4         | Bao bì, giẻ lau có chứa hoặc nhiễm thành phần nguy hại                                   | 18 02 01       | 10                                   |

**1.2. Khối lượng, danh mục chất thải rắn thông thường (phát sinh từ sinh hoạt và hoạt động khám chữa bệnh).**

| <b>TT</b> | <b>Tên chất thải</b>                     | <b>Khối lượng phát sinh (kg/năm)</b> |
|-----------|------------------------------------------|--------------------------------------|
| 1         | Chất thải rắn thông thường không tái chế | 106.600                              |
| 2         | Chất thải thông thường tái chế           | 145                                  |
|           | <b>Tổng</b>                              | <b>106.745</b>                       |

### 1.3. Chất thải nguy hại phải kiểm soát:

| TT | Tên chất thải nguy hại                     | Mã CTNH  | Khối lượng phát sinh (kg/năm) |
|----|--------------------------------------------|----------|-------------------------------|
| 1  | Bùn thải từ Trạm xử lý nước thải tập trung | 06 05 02 | 750                           |

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 60 lít-120 lít.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

#### 2.1.2. Khu vực lưu chứa

- Xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải có diện tích 32,45 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa chất thải nguy hại có mái tôn, tường tôn bao xung quanh, nền bê tông chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lồng phòng cho sự cố khi thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ, thùng vỡ; phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định; trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

- Khu lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

#### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Chất thải sinh hoạt (không tái chế) được thu gom vào các thùng chứa dung tích 10 lít, 60 lít và 120 lít tại các hành lang, sân đường nội bộ.

#### 2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Chất thải có thể tái chế lưu giữ tại khu có diện tích 32,45 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Có mái tôn, tường tôn bao xung quanh.

### 2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số

20/2021/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý chất thải nguy hại của bệnh viện;
- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

## **PHỤ LỤC 4**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### **C. CÁC NỘI DUNG BỆNH VIỆN ĐA LIỄU TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.**

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, y tế thông thường và nguy hại đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm môi trường.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Giảm thiểu ô nhiễm khí thải tại các khoa, phòng bệnh: Để giảm thiểu tác động do khí thải phát sinh tại các khoa, bệnh viện đã lắp đặt hệ thống các chụp hút, tủ hút, máy hút âm,... tại các khoa kết hợp với các biện pháp thông gió tự nhiên và thông gió cưỡng bức (như: phòng ốc được bố trí máy điều hòa, quạt gió làm mát).

- Tại các khu nhà vệ sinh: đảm bảo hoạt động tốt các quạt hút đã lắp đặt để hút mùi nhà vệ sinh.

- Giảm thiểu bụi, khí thải cho toàn bệnh viện: Đảm bảo tỷ lệ cây xanh để điều hòa vi khí hậu cho bệnh viện.

- Đối với máy phát điện dự phòng: Đảm bảo bố trí máy phát điện cách xa các tòa nhà khám chữa bệnh, sử dụng nhiên liệu sạch đạt tiêu chuẩn.

- Kiểm soát hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Thực hiện quản lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của bệnh viện. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này./.